

BỘ CÔNG THƯƠNG
ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH
CƠ SỞ THANH HÓA- KHOA KINH TẾ



BÁO CÁO THỰC TẬP

**ĐỀ TÀI: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH
DOANH BẤT ĐỘNG SẢN**

Giáo viên hướng dẫn : TH.S. PHẠM VĂN THẮNG
Sinh viên thực hiện : NGUYỄN BÁ GIANG
Mã số sinh viên : 11037353
Lớp : NCQT5TH

Thanh Hóa, tháng 03 năm 2013

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

- CSH : Chủ sở hữu
- DN : Doanh nghiệp
- NH : Ngân hàng
- NV : Nguồn vốn
- TL : Tỷ lệ
- TT : Tỷ trọng
- TSCĐ : Tài sản cố định

DANH MỤC BẢNG BIỂU

BẢNG 1: BẢNG ĐÁNH GIÁ CƠ CẤU TÀI SẢN.....	20
BẢNG 2: BẢNG ĐÁNH GIÁ CƠ CẤU NGUỒN VỐN.....	23
BẢNG 3: BẢNG PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ GIỮA TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN.....	25
BẢNG 4: BẢNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐỘC LẬP TÀI CHÍNH.....	27
BẢNG 5: BẢNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐỘC LẬP TÀI CHÍNH.....	28
BẢNG 6: BẢNG ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THANH TOÁN.....	30
BẢNG 7: BẢNG ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SINH LỢI.....	31

MỤC LỤC

A. MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	1
3. Đối tượng nghiên cứu.....	2
4. Nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu.....	2
5. Phương pháp phân tích tình hình tài chính.....	3
6. Cấu trúc đề cương.....	4
B. NỘI DUNG.....	5
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH.....	5
1.1. Khái niệm về phân tích báo cáo.....	5
1.2. Vai trò của hệ thống báo cáo tài chính đối với việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.....	5
1.3. Ý nghĩa và mục đích của phân tích tình hình tài chính.....	6
1.4. Nhiệm vụ của phân tích báo cáo tài chính.....	7
1.5. Nội dung của phân tích báo cáo tài chính.....	8
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2009-2011.....	14
2.1. Giới thiệu tổng quát về tình hình tại công ty.....	14
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	14
2.1.1.1. Quá trình hình thành công ty.....	14
2.1.1.2. Quá trình phát triển công ty.....	14
2.1.1.3. Chức năng nhiệm vụ của công ty.....	14
2.1.2. Đặc điểm sản xuất, quản lý tại công ty.....	15
2.1.2.1. Đặc điểm sản xuất tại công ty.....	15
2.1.2.2. Đặc điểm quản lý tại công ty.....	16
2.2. Mô tả tình hình tài chính.....	18
2.3. Phân tích tình hình thực tế.....	18
2.3.1. Phân tích cấu trúc và cân bằng tài chính.....	18
2.3.1.1. Phân tích cấu trúc tài chính.....	18
2.3.1.2. Phân tích cân bằng tài chính.....	25
2.3.1.2. Phân tích đánh giá khái quát tình hình huy động vốn.....	26
2.3.1.3. Phân tích đánh giá mức độ độc lập tài chính.....	28
2.3.1.4. Phân tích khả năng thanh toán.....	29
2.3.1.5. Phân tích đánh giá khả năng sinh lợi.....	31
2.3.2. Nhận xét và đánh giá tình hình thực tế của công ty.....	32
CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY.....	34
3.1. Định hướng phát triển công ty trong những năm tới.....	34
3.2. Giải pháp nhằm nâng cao tài chính tại Công ty.....	34

C. KẾT LUẬN.....	38
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	39

A. MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiện nay cùng với sự đổi mới của nền kinh tế thị trường và sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa các thành phần kinh tế đã gây ra những khó khăn và thách thức cho các doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, để có thể khẳng định được mình mỗi doanh nghiệp cần phải nắm vững tình hình cũng như kết quả hoạt động kinh doanh. Để đạt được điều đó, các doanh nghiệp luôn phải quan tâm đến tình hình tài chính vì nó có quan hệ trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và ngược lại. Nhận thức được tầm quan trọng của việc phân tích tình hình tài chính đối với sự phát triển của doanh nghiệp, kết hợp giữa kiến thức lý luận được tiếp thu ở nhà trường và tài liệu tham khảo thực tế, cùng với sự giúp đỡ, hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo hướng dẫn, các anh chị trong Công ty tôi đã chọn đề tài: ***“Phân tích tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thanh Hoa Sông Đà”***.

2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích cơ bản của việc phân tích báo cáo tài chính nhằm cung cấp những thông tin cần thiết giúp các đối tượng sử dụng thông tin đánh giá khách quan về sức mạnh tài chính của doanh nghiệp, khả năng sinh lời và triển vọng phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bởi vậy, phân tích báo cáo tài chính là mối quan tâm của nhiều đối tượng sử dụng thông tin khác nhau, như: Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, các nhà đầu tư, các nhà cho vay, các nhà cung cấp, các chủ nợ, các cổ đông hiện tại và tương lai các khách hàng, các nhà quản lý cấp trên, các nhà bảo hiểm, người lao động... Mỗi một đối tượng sử dụng thông tin của doanh nghiệp có những nhu cầu về các loại thông tin khác nhau. Bởi vậy, mỗi một đối tượng sử dụng thông tin có xu hướng tập trung vào khía cạnh riêng của bức tranh tài chính doanh nghiệp.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của phân tích báo cáo tài chính là hệ thống thông tin kế toán đã được trình bày trên các báo cáo tài chính của doanh nghiệp, nhằm cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin về luồng vào và ra của tiền trong kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Phân tích các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính nhằm phản ánh sự biến động (tăng hay giảm) về quy mô, cơ cấu tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp. Phân tích tình hình biến động quy mô kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình dịch chuyển các luồng tiền vào và ra trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, so sánh hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp đầy đủ nhất và toàn diện nhất những thông tin-cơ sở đánh giá thực trạng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, để nắm được một cách đầy đủ thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như tình hình sử dụng tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp cần thiết phải đi sâu phân tích mối quan hệ và tình hình biến động của các khoản, các mục trên từng báo cáo tài chính và giữa các báo cáo tài chính với nhau. Có như vậy, mới có thể đánh giá được đầy đủ và sâu sắc mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

Việc thường xuyên tiến hành phân tích tình hình tài chính sẽ giúp cho các doanh nghiệp và các cơ quan chủ quản cấp trên thấy rõ thực trạng hoạt động tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp cũng như xác định được một cách đầy đủ, đúng đắn nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố thông tin có thể đánh giá được tiềm năng, hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như rủi ro và triển vọng trong tương lai của doanh nghiệp để có thể đưa ra được những giải pháp hữu hiệu, những quyết định chính xác nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý kinh tế, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhiệm vụ của phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp phải cung cấp đầy đủ nhưng thông tin, thể hiện qua các khía cạnh sau đây:

Cung cấp kịp thời, đầy đủ và trung thực các khách hàng, các nhà cung cấp...

Cung cấp những thông tin về tình hình sử dụng vốn, khả năng huy động vốn, khả năng sinh lợi và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Cung cấp những thông tin về tình hình công nợ, khả năng thu hồi các khoản phải thu, khả năng thanh toán các khoản phải trả cũng như các nhân tố khác ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp,

5. Phương pháp phân tích tình hình tài chính.

Các công cụ chủ yếu để phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp.

Phân tích theo chiều ngang: Phản ánh sự biến động khác của từng chỉ tiêu làm nổi bật các xu thế và tạo nên mối quan hệ của các chỉ tiêu phản ánh trên cùng một dòng của báo cáo. So sánh.

Phương pháp so sánh:

So sánh là phương pháp được sử dụng phổ biến nhất trong phân tích để đánh giá kết quả, xác định vị trí và xu hướng biến động của các chỉ tiêu phân tích. Vì vậy, để tiến hành so sánh phải giải quyết những vấn đề cơ bản như xác định số gốc để so sánh, xác định điều kiện so sánh và xác định mục tiêu so sánh.

Điều kiện so sánh:

Chỉ tiêu kinh tế được hình thành trong cùng một khoảng thời gian như nhau:

Chỉ tiêu kinh tế phải thống nhất về mặt nội dung và phương pháp tính toán.

Chỉ tiêu kinh tế phải cùng đơn vị đo lường.

Cùng quy mô hoạt động với điều kiện kinh doanh tương tự nhau.

Tiêu chuẩn so sánh: là các chỉ tiêu được chọn làm căn cứ so sánh (kỳ gốc)

Các phương pháp so sánh thường sử dụng

So sánh tương đối: phản ánh kết cấu mối quan hệ tốc độ phát triển và mức độ phổ biến của các chỉ tiêu kinh tế

So sánh tuyệt đối: Cho biết khối lượng, quy mô doanh nghiệp đạt được từ các chỉ tiêu kinh tế giữa kỳ phân tích và kỳ gốc.

So sánh bình quân: Cho biết khả năng biến động của một bộ phận, chỉ tiêu hoặc nhóm chỉ tiêu.

Phương pháp chi tiết hoá chỉ tiêu phân tích:

Để phân tích một cách sâu sắc các đối tượng nghiên cứu, không thể chỉ dựa vào các chỉ tiêu tổng hợp, mà cần phải đánh giá theo các chỉ tiêu cấu thành của chỉ tiêu phân tích. Thông thường trong phân tích việc chi tiết chỉ tiêu phân tích được tiến hành theo các hướng sau.

Chi tiết theo bộ phận cấu thành chỉ tiêu:

Chi tiết theo thời gian chi tiết: theo thời gian giúp cho việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh được chính xác, tìm được các giải pháp có hiệu quả cho công việc sản xuất kinh doanh, tùy theo đặc tính của quá trình kinh doanh, tùy theo nội dung kinh tế của các chỉ tiêu phân tích, tùy mục đích phân tích khác nhau có thể lựa chọn khoảng thời gian cân chi tiết khác nhau và chỉ tiêu chi tiết khác nhau.

Chi tiết theo địa điểm: là xác định các chỉ tiêu phân tích theo các địa điểm thực hiện các chỉ tiêu đó.

6. Cấu trúc đề cương

Chương 1: Cơ sở lý luận về phân tích tài chính

Chương 2: Thực trạng về tình hình tài chính của công ty giai đoạn 2009-2011

Chương 3: Các giải pháp khắc phục và hoàn thiện tình hình tài chính của công ty

B. NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

1.1. Khái niệm về phân tích báo cáo

Phân tích báo cáo tài chính là quá trình xem xét, kiểm tra, đối chiếu so sánh số liệu về tài chính trong kỳ hiện tại với các kỳ kinh doanh đã qua. Thông qua việc phân tích báo cáo tài chính sẽ cung cấp cho sử dụng thông tin có thể đánh giá tiềm năng, hiệu quả kinh doanh cũng như những rủi ro về tài chính trong tương lai của doanh nghiệp.

Phân tích báo cáo tài chính nhằm cung cấp những thông tin hữu ích không chỉ cho quản trị doanh nghiệp mà còn cung cấp những thông tin kinh tế - tài chính chủ yếu cho các đối tượng sử dụng thông tin ngoài doanh nghiệp. Bởi vậy, phân tích báo cáo tài chính không phải chỉ phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định, mà còn cung cấp những thông tin về kết quả đã đạt được trong một kỳ nhất định.

1.2. Vai trò của hệ thống báo cáo tài chính đối với việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp

Hệ thống báo cáo tài chính giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong phân tích hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, có ý nghĩa cực kì quan trọng đối với công tác quản lý doanh nghiệp. Điều đó được thể hiện ở những vấn đề mấu chốt sau đây.

Báo cáo tài chính cung cấp những thông tin tổng quát về kinh tế tài chính, giúp cho việc phân tích tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, phân tích thực trạng của doanh nghiệp trong kì.

Những thông tin trên báo cáo tài chính là những căn cứ quan trọng trong việc phân tích, phát hiện những khả năng tiềm tàng về kinh tế. Trên cơ sở đó, dự đoán tình hình sản xuất kinh doanh cũng như xu hướng phát triển của doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính cung cấp những thông tin giúp cho việc phân tích tình hình tài sản, tình hình nguồn vốn, tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh trong một thời kì nhất định, phân tích tình hình thực trạng của doanh nghiệp.

Các chỉ tiêu, các số liệu trên các báo cáo tài chính là những cơ sở quan trọng để tính ra các chỉ tiêu kinh tế khác, giúp cho việc phân tích hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả của các quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Như vậy có thể nói hệ thống báo cáo tài chính là “bức tranh sinh động nhất”, đầy đủ nhất, nó cung cấp toàn bộ những thông tin kế toán hữu ích, giúp cho việc phân tích tình trạng tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, phản ánh khả năng huy động mọi nguồn vốn và quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới.

1.3. Ý nghĩa và mục đích của phân tích tình hình tài chính.

Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp hay cụ thể hoá là quá trình phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp là quá trình kiểm tra đối chiếu, so sánh các số liệu, tài liệu và tình hình tài chính hiện hành và trong quá khứ nhằm mục đích đánh giá tiềm năng, hiệu quả kinh doanh cũng như rủi ro trong tương lai. Báo cáo tài chính là những báo cáo tổng hợp nhất là về tình hình tài sản, vốn và công nợ cũng như tình hình tài chính, kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Do đó, việc thường xuyên tiến hành phân tích tình hình tài chính sẽ cung cấp thông tin cho người sử dụng từ các góc độ khác nhau, vừa đánh giá toàn diện, vừa tổng hợp khái quát, lại vừa xem xét một cách chi tiết hoạt động tài chính của doanh nghiệp để nhận biết phán đoán và đưa ra quyết định tài chính, quyết định đầu tư và quyết định tài trợ phù hợp. Phân tích tình hình tài chính thông qua các báo cáo tài chính của doanh nghiệp là mối quan tâm của nhiều nhóm người. Nhà quản lý, các nhà đầu tư, các cổ đông, các chủ nợ, các khách hàng, các nhà cho vay tín dụng, các cơ quan chính phủ và người lao động ... Mỗi một nhóm người này có nhu cầu thông tin khác nhau.

Đối với các chủ doanh nghiệp và các nhà quản trị doanh nghiệp mối quan tâm hàng đầu của họ là tìm kiếm lợi nhuận và khả năng trả nợ. Một doanh nghiệp bị lỗ liên tục, sẽ bị cạn kiệt nguồn lực và buộc phải đóng cửa. Mặt khác nếu doanh nghiệp không có khả năng thanh toán cũng buộc phải đóng cửa.

Đối với các chủ ngân hàng và các nhà cho vay tín dụng mối quan tâm hàng đầu của họ chủ yếu là khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Vì vậy họ đặc

biệt quan tâm đến lượng tiền và các tài khoản có thể chuyển nhanh thành tiền, từ đó so sánh với nợ ngắn hạn để biết được khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các chủ ngân hàng và các nhà vay tín dụng cũng rất quan tâm tới số lượng vốn chủ sở hữu, bởi vì số vốn này là khoản bảo hiểm cho họ trong trường hợp doanh nghiệp bị rủi ro.

Đối với các nhà cung ứng vật tư, hàng hoá, dịch vụ cho doanh nghiệp họ phải quyết định xem có cho phép khách hàng sắp tới được mua chịu hàng hay không, họ cần phải biết được khả năng thanh toán của doanh nghiệp hiện tại, và trong thời gian sắp tới.

Đối với các nhà đầu tư, mối quan tâm của họ là thời gian hoàn vốn, mức sinh lãi, và sự rủi ro. Vì vậy họ cần các thông tin về điều kiện tài chính, tình hình hoạt động, hiệu quả kinh doanh và tiềm năng tăng trưởng của các doanh nghiệp. Ngoài ra, các cơ quan tài chính, thống kê, thuế, cơ quan chủ quản, các nhà phân tích tài chính hoạch định chính sách những người lao động... cũng quan tâm tới thông tin tài chính của doanh nghiệp.

Như vậy, có thể nói mục tiêu tối cao và quan trọng nhất của phân tích tình hình tài chính là giúp ra quyết định lựa chọn phương án kinh doanh tối cao và đánh giá chính xác thực trạng, tiềm năng của doanh nghiệp.

1.4. Nhiệm vụ của phân tích báo cáo tài chính

Phân tích báo cáo tài chính phải cung cấp đầy đủ các thông tin hữu ích cho các nhà đầu tư, các nhà cho vay và những người sử dụng thông tin tài chính khác để giúp họ có những quyết định đúng đắn khi ra các quyết định đầu tư, quyết định cho vay.

Phân tích báo cáo tài chính phải cung cấp đầy đủ cho các chủ doanh nghiệp, các nhà đầu tư, các nhà cho vay và những người sử dụng thông tin khác trong việc đánh giá khả năng và tính chắc chắn của dòng tiền mặt vào, ra và tình hình sử dụng có hiệu quả nhất tài sản, tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Phân tích báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin về nguồn vốn chủ sở hữu, các khoản nợ, kết quả của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh,

sự kiện và các tình huống làm biến đổi các nguồn vốn và các khoản nợ của doanh nghiệp.

1.5. Nội dung của phân tích báo cáo tài chính

Hoạt động tài chính của doanh nghiệp là một trong những nội dung rất cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giải quyết các mối quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ. Hay nói cách khác, tài chính doanh nghiệp là những quan hệ tiền tệ gắn liền với việc tổ chức, huy động, phân phối, quản lý và sử dụng vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Để tiến hành sản xuất kinh doanh, trước hết và bao giờ cũng đòi hỏi các doanh nghiệp có một lượng vốn nhất định, bao gồm: vốn chủ sở hữu, các quỹ xí nghiệp, vốn vay và các loại vốn khác. Quản trị doanh nghiệp có nhiệm vụ tổ chức huy động mọi nguồn vốn cần thiết, đáp ứng về mọi nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh. Đồng thời, tổ chức phân phối, quản lý và sử dụng vốn hiện có sao cho hợp lý nhất để đạt được hiệu quả cao nhất trên cơ sở chấp hành các chế độ, chính sách, quản lý kinh tế-tài chính và kỷ luật thanh toán của nhà nước. Bởi vậy, việc thường xuyên phân tích báo cáo tài chính nhằm cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng, giúp họ đánh giá chính xác thực trạng tài chính, xác định rõ những nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tình hình hoạt động tài chính-khâu trung tâm của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là một vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong công tác quản lý kinh tế. Trên cơ sở đó, giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đề ra các giải pháp hữu hiệu nhằm không ngừng nâng cao sức mạnh tài chính, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Phân tích hệ thống chỉ tiêu thông tin kế toán đã được trình bày trên từng báo cáo tài chính doanh nghiệp như:

Phân tích bảng cân đối kế toán

Phân tích báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Phân tích thuyết minh báo cáo tài chính

Đánh giá khái quát tình hình tài chính :

Phân tích cơ cấu tài sản: được thực hiện bằng cách tính ra và so sánh tình hình biến động giữa kỳ phân tích với kỳ gốc về tỷ trọng của từng bộ phận tài sản chiếm trong tổng số tài sản. Tỷ trọng của từng bộ phận tài sản chiếm trong tổng số tài sản được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ trọng của từng} \\ \text{bộ phận tài sản chiếm} \\ \text{trong tổng số tài sản} \end{array} = \frac{\text{Giá trị của từng bộ phận tài sản}}{\text{Tổng số tài sản}} \times 100$$

Phân tích cơ cấu nguồn vốn :

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ trọng của từng} \\ \text{bộ phận nguồn vốn chiếm} \\ \text{trong tổng số nguồn vốn} \end{array} = \frac{\text{Giá trị của từng bộ phận nguồn vốn}}{\text{Tổng số nguồn vốn}} \times 100$$

Phân tích mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn :

Hệ số nợ so với tài sản : là chỉ tiêu phản ánh mức độ tài sản của công ty bằng các khoản nợ. Trị số này càng cao càng chứng tỏ mức độ phụ thuộc của doanh nghiệp càng lớn, mức độ độc lập tài chính càng thấp.

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số nợ so với tài sản} \end{array} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tài sản}} = k$$

$k = 1$: toàn bộ nợ phải trả của DN được sử dụng để tài trợ toàn bộ TS

$k > 1$: toàn bộ nợ phải trả của DN được sử dụng để bù lỗ

$k < 1$: số nợ phải trả được DN sử dụng giảm bấy nhiêu

Hệ số khả năng thanh toán tổng quát:

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số khả năng} \\ \text{thanh toán} \end{array} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ phải trả}} = k$$

Hệ số khả năng thanh toán nhanh: với giá trị còn lại của tài sản ngắn hạn (sau khi đã loại trừ giá trị hàng tồn kho là bộ phận có khả năng chuyển đổi thành tiền chậm nhất trong toàn bộ tài sản ngắn hạn), doanh nghiệp có khả năng trang trải toàn bộ nợ ngắn hạn hay không.

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}} = k$$

$k \geq 1$: bảo đảm được khả năng thanh toán

$k < 1$: không bảo đảm được khả năng thanh toán

Hệ số khả năng thanh toán tức thời

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán tức thời} = \frac{\text{Tiền và tương đương tiền}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

$k \geq 1$: bảo đảm được khả năng thanh toán

$k < 1$: không bảo đảm được khả năng thanh toán

Hệ số khả năng thanh toán nợ dài hạn: là chỉ tiêu cho biết với số tài sản dài hạn hiện có, doanh nghiệp có đủ khả năng trang trải nợ hay không

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán nợ dài hạn} = \frac{\text{Tài sản dài hạn}}{\text{Nợ dài hạn}} = k$$

$k < 1$: không bảo đảm được khả năng thanh toán

$k \geq 1$: bảo đảm được khả năng thanh toán

Phân tích mức độ độc lập tài chính:

Hệ số tài trợ: là chỉ tiêu phản ánh khả năng tự đảm bảo về mặt tài chính về mức độ độc lập về mặt tài chính của doanh nghiệp.

$$\text{Hệ số tài trợ} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tài sản}} = k$$

Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn: là chỉ tiêu phản ánh khả năng trang trải tài sản dài hạn bằng vốn chủ sở hữu .

$$\text{Hệ số tự tài trợ tài sản} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Dài hạn}} = k$$

$k \geq 1$: bảo đảm được khả năng thanh toán

$k < 1$: không bảo đảm được khả năng thanh toán

Hệ số tự tài trợ tài sản cố định: là chỉ tiêu phản ánh khả năng đáp ứng bộ phận tài sản cố định bằng vốn chủ sở hữu .

$$\text{Hệ số tự tài trợ tài sản cố định} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tài sản cố định đã và đang đầu tư}} = k$$

$k \geq 1$: bảo đảm được khả năng thanh toán

$k < 1$: không bảo đảm được khả năng thanh toán

Phân tích khả năng sinh lời: có thể sử dụng nhiều chỉ tiêu khác nhau, trong đó chủ yếu là các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu, khả năng sinh lợi kinh tế của tài sản và khả năng sinh lợi của doanh thu.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2011-2013

2.1. Giới thiệu tổng quát về tình hình tại công ty

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

2.1.1.1. Quá trình hình thành công ty

Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà có tiền thân là Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa, được cổ phần hóa theo Nghị định 64/CP của chính phủ. Trong những năm 70-80 của thế kỷ XX, công ty thực hiện nhiệm vụ theo cơ chế kế hoạch mua bán nhà nước giao. Cuối những năm 80 trong tình hình chung về chuyển đổi cơ cấu kinh tế, công ty gặp không ít khó khăn khi vươn lên đứng vững trong cơ chế thị trường.

Ngày 15 tháng 09 năm 2003 theo QĐ 2941/QĐ/UB của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa thành Công ty cổ phần, với hình thức cổ phần hóa là: Bán toán bộ vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Vốn điều lệ là 5 tỷ đồng. Mang lại lợi nhuận cho công ty và góp phần xây dựng thành phố Thanh Hóa ngày một giàu mạnh.

2.1.1.2. Quá trình phát triển công ty

Do nhu cầu bức thiết phải đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, cửa hàng theo quyết định của tỉnh trước đó. Với số vốn hạn chế hiện có khi thành lập, Hội đồng quản trị công ty quyết định phải nâng vốn điều lệ lên 10,1 tỷ đồng.

Ngày 15/05/2004 Đại hội cổ đông thành lập Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 2603000166 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thanh hóa cấp ngày 19/05/2004 với số vốn điều lệ là 10,1 tỷ đồng.

Hiện nay công ty có trụ sở chính đặt tại Số 25 Đại lộ Lê Lợi – Thành phố Thanh Hóa, công ty có tổng diện tích đất là 10.000m² và tổng số lao động đến thời điểm này là 143 người. Trực thuộc công ty gồm 4 đơn vị phân bổ tại nhiều địa

điểm tại thành phố Thanh Hóa: Xí nghiệp TMDV số 1, Xí nghiệp TMDV số 2, Nhà hàng Sông Đà, Siêu thị Sông Đà.

2.1.1.3. Chức năng nhiệm vụ của công ty

a. Chức năng:

kinh doanh các loại mặt hàng bách hóa, vải sợi may mặc, văn phòng phẩm, thiết bị nội thất, thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghiệp, nông sản, rượu bia, nước ngọt, thuốc lá, lương thực thực phẩm, vật tư nông nghiệp, ô tô, xe máy, điện máy.

Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng. Đầu tư kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản, nhà hàng, khách sạn, du lịch, du lịch lữ hành.

Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh thiết bị xây dựng.

Dịch vụ tuyển dụng, môi giới lao động cho doanh nghiệp xuất khẩu lao động.

b. Nhiệm vụ kinh doanh của công ty:

Phục vụ sản xuất và tiêu dùng cho nhu cầu của nhân dân và các nhà sản xuất chủ yếu tại các địa bàn trong tỉnh Thanh Hóa.

2.1.2. Đặc điểm kinh doanh, quản lý tại công ty

2.1.2.1. Đặc điểm kinh doanh tại công ty

Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà với đặc thù là một doanh nghiệp kinh doanh trong ngành thương mại, quy mô gồm 4 đơn vị bộ phận phân bố ở một số địa điểm của thành phố Thanh Hóa và nhiều huyện trong tỉnh. Mỗi đơn vị hoạt động trong một lĩnh vực riêng. Giữa các đơn vị hoàn toàn độc lập với nhau.

-Nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống.Địa chỉ 13 Cao Thắng- TPTH

- Phục vụ ăn uống, tiếp khách, nhận tổ chức các bữa tiệc, hội nghị, đám cưới, liên hoan.....

-Xí nghiệp TMDV số 1. Địa chỉ Ngô Từ - Lam Sơn TPTH

➤ Bán buôn các loại mặt hàng như: Nhôm , sứ , nhựa, ni lông.

-Xí nghiệp TMDV số 2. Địa chỉ: 301 Trần Phú TPTH.

➤ Bán buôn các loại mặt hàng như: điện lạnh, nội thất, văn phòng phẩm, bảo hộ lao động...

-Siêu Thị Sông Đà. Địa chỉ : 25 Đại lộ Lê Lợi TPTH.

➤ Chủ yếu bán lẻ với rất nhiều các loại mặt hàng đa dạng về mẫu mã, kiểu dáng, kích thước, chủng loại.....

-Một số đại lý, cửa hàng thuộc các xí nghiệp TMDV đặt tại các huyện thị trong tỉnh.

Hàng hóa nhập về theo đơn đặt hàng sẽ được phân loại và phân bổ cho các đơn vị theo đúng chức năng và ngành hàng.

Với kiểu cơ cấu này có một số thuận lợi và khó khăn như sau:

* Thuận lợi

-Các đơn vị có thể tập trung khai thác triệt để lợi thế ngành hàng của mình.

-Thuận lợi trong việc phân tích, đánh giá mặt mạnh, mặt yếu một cách cụ thể đối với từng ngành hàng, từng lĩnh vực kinh doanh.

* Khó khăn

Tuy nhiên do đặc điểm công ty có nhiều xí nghiệp, chi nhánh và nhiều cửa hàng nên khó khăn trong việc quản lý, giám sát.

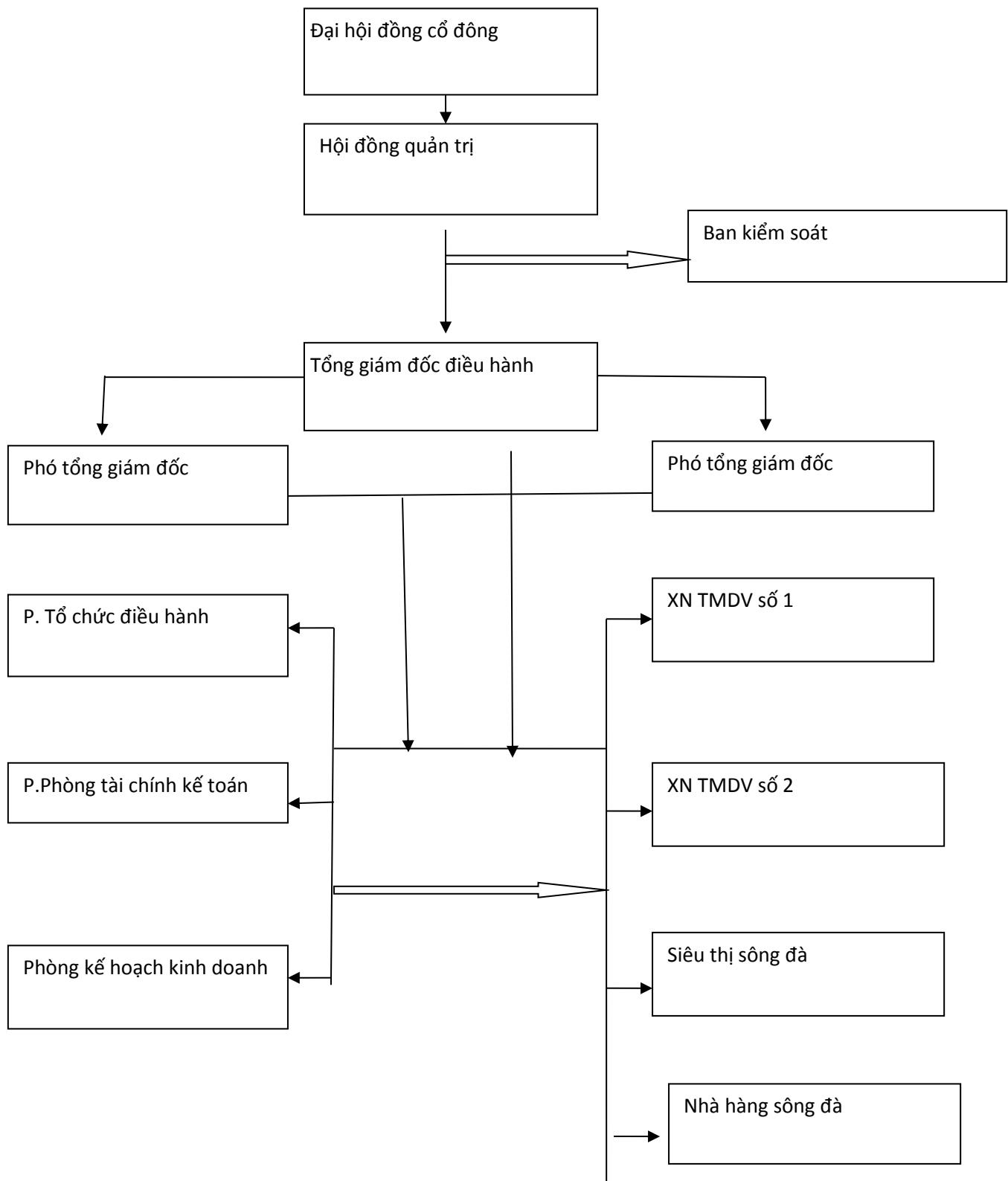
Cơ cấu sản xuất của doanh nghiệp là cơ sở để xây dựng cơ cấu bộ máy quản trị. Do tính chất phức tạp của cơ cấu sản xuất tại công ty CP Thanh Hoa Sông Đà nên bộ máy quản trị của công ty được tổ chức theo kiểu trực tuyến-chức năng.

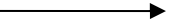
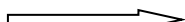
2.1.2.2. Đặc điểm quản lý tại công ty

Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà gồm Đại hội đồng cổ đông mà Hội đồng quản trị là cơ quan thường trực, Tổng giám đốc điều hành, hệ thống các phòng ban chức năng và các xí nghiệp hợp nhất thành một pháp nhân duy nhất là Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà.

Sơ đồ bộ máy quản trị

2.2.3 Sơ Đồ Bộ Máy Quản Trị



Ghi chú  : Quan hệ chỉ đạo
 : Quan hệ kiểm tra kiểm soát

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị đại diện cho đại hội đồng cổ đông hoạt động dưới sự kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của công ty, tham gia bổ nhiệm, bãi nhiệm, các chức giám đốc, các bộ quản lý, quyết định cơ cấu kinh doanh.

- **Ban giám đốc**

Tổng giám đốc: Là người chịu trách nhiệm tổ chức quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của công ty, trực tiếp phụ trách kinh doanh. Là người lãnh đạo phụ trách chung và là người đại diện pháp nhân của doanh nghiệp trước nhà nước và pháp luật. Tổng giám đốc công ty phân công, phân nhiệm hay ủy quyền cho phó tổng giám đốc, trưởng phòng các ban chức năng, các giám đốc xí nghiệp thực hiện một số mặt hoạt động của công ty theo chế độ cá nhân phụ trách

Phó tổng giám đốc: Là người chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về những việc tổng giám đốc ủy quyền và phân công cụ thể, chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ xây dựng và hướng dẫn thực hiện các chế độ, tiêu chuẩn định mức của đơn vị.

- **Các phòng ban**

Phòng tổ chức-hành chính: Là một bộ phận tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc công ty trong việc tổ chức và quản lý nhân sự, quản trị văn phòng, công tác bảo vệ ,an ninh trật tự.

Phòng tài chính –kế toán: Chịu trách nhiệm hạch toán kế toán theo đúng quy định nhà nước; tham mưu cho Tổng giám đốc công ty về công tác tài chính kế toán; Giúp Tổng giám đốc công ty về công tác quản lý, sử dụng vốn (tài sản, nguyên vật liệu, tiền vốn, chi phí sản xuất kinh doanh) để đạt được mục đích đề ra của Đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị,phù hợp với chủ trương, chính sách pháp luật hiện hành, các quy định của nhà nước về kế toán thống kê.

Phòng kế hoạch –kinh doanh: Có chức năng nắm bắt các thông tin kinh tế thị trường, xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho từng giai đoạn, lập phương án kinh doanh cụ thể và giám sát thực hiện, tham mưu cho Tổng giám đốc công ty về đầu tư, sản xuất kinh doanh.

2.2. Mô tả tình hình tài chính

Tình hình tài chính của Công ty thể hiện tình trạng hay thực trạng tài chính của doanh nghiệp tại một thời điểm. Tình hình của doanh nghiệp tốt hay xấu, khả quan hay bi đát thể hiện rõ nét chất lượng của toàn bộ hoạt động mà doanh nghiệp đã tiến hành. Nói cách khác, tình hình tài chính của doanh nghiệp thể hiện sự tồn tại cũng như nỗ lực của doanh nghiệp trên mọi mặt hoạt động, là kết quả tất yếu của mọi hoạt động mà doanh nghiệp thực hiện. Dựa vào đó, các nhà quản lý biết được tình trạng hay trạng thái tài chính cụ thể cũng như xu thế phát triển của doanh nghiệp về cả an ninh tài chính, về mức độ độc lập tài chính,về chính sách huy động và sử dụng vốn, về tình hình và khả năng thanh toán. Đồng thời, cũng qua xem xét tình hình tài chính hiện tại,các nhà quản lý có thể dự báo được những chỉ tiêu tài chính trong tương lai, dự báo được nhưng thuận lợi hay khó khăn mà doanh nghiệp có thể đương đầu.

2.3. Phân tích tình hình thực tế

2.3.1. Phân tích cấu trúc và cân bằng tài chính

2.3.1.1. Phân tích cấu trúc tài chính

Phân tích cấu trúc tài chính là việc phân tích tình hình huy động sử dụng vốn và mối quan hệ giữa tình hình huy động với tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp. Qua đó, giúp các nhà quản lý nắm được tình hình phân bổ tài sản và các nguồn tài trợ tài sản, biết được nguyên nhân cũng như các dấu hiệu ảnh hưởng đến cân bằng tài chính. Những thông tin này sẽ là căn cứ quan trọng để các nhà quản lý ra các quyết định điều chỉnh chính sách huy động và sử dụng vốn của mình, bảo đảm cho doanh nghiệp có một cấu trúc tài chính lành mạnh, hiệu quả và tránh được những rủi ro trong kinh doanh. Đồng thời, nội dung phân tích này còn góp phần củng cố cho các nhận định đã rút ra khi đánh giá khái quát tình hình tài chính.

Dựa vào bảng phân tích sự biến động của tài sản ta thấy chỉ tiêu “tiền và các khoản tương đương tiền” năm 2013 so với năm 2011 tăng 3.319.651.831 đồng với tỷ lệ chênh lệch là 12,4 tương ứng 25,6%, so với năm 20102 tăng 1.833.826.571 đồng với tỷ lệ chênh lệch là 2,48 tương ứng 18,7%. Chỉ tiêu này có thể tăng hoặc giảm không phải do ứ đọng hay thiếu tiền mà có thể công ty đang có kế hoạch đầu tư tiền để chuẩn bị đầu tư mua sắm vật tư,tài sản... hay do công ty vừa đầu tư vào một số lĩnh vực kinh doanh..

BẢNG 1: BẢNG ĐÁNH GIÁ CƠ CẤU TÀI SẢN

(Nguồn :Bảng cân đối kế toán ,đvt :số tiền : triệu đồng,TL:+/- ,TT :%)

Cuối năm 2013 so với cuối năm...	2011	Số tiền	2012		Số tiền	TL	TT
			TL	TT			
	10317,7	690.046,3 30	19,5	-0,2			
	0	135.325,2 60	170,9	1,57			
		-	0	0			
		398.189,1 19	-12,9	-5,1			
		187.986,3 50	38,7	3,6			
		14.393.850	13,6	-0,83			
		951.240,7 10	20,6	-0,1			
	0	0	0	0			
		3.857,31 6.200	-36,8	-8,6			
	0	0.514.325. 330	60,5	9,9			
		0	0	0			
		74.249.686	129,8	0,21			

Chi tiêu	Cuối năm															
	2011-				2012				2013							
	Số tiền		TT		Số tiền		TT		Số tiền		TT		Số tiền		TT	
	Số tiền	TT	Số tiền	TT	Số tiền	TT	Số tiền	TT	Số tiền	TT	Số tiền	TT	Số tiền	TT	Số tiền	TT
A.Tài sản ngắn hạn	32.972.809		29.144.953.933	50,2	34.835.000.267	50,01	4802027450	0	0.554,7							
1.Tiền và TĐ tiền			1.833.826.571	3,2	3.319.651.831	4,77										
2.Đầu tư tài chính NH			0	0	0	0										
3.Phải thu NH			10.844.776.217	18,7	9.446.587.091	13,6										
4.Hàng tồn kho			13.418.774.966	23,1	18.606.761.316	26,7										
5.Tài sản NH khác			3.047.606.179	5,3	3.462.000.029	4,47										
B.Tài sản dài hạn	29.094.446		28.858.852.255	50,1	34.810.092.962	50	4.780.998.510									
1.Phải thu dài hạn			0	0	0	0										
2.Tài sản cố định			10.478.377.568	18,1	6.621.061.251	9,5										
3.Bất động sản đầu tư			17.366.200.741	30,1	27.880.526.079	40										
4.Đầu tư tài chính DH			880.000.000	1,52	0	0										
5.Tài sản dài hạn khác			134.253.946	0,23	308.503.632	0,44										
Tổng số TS	62.067.255		58.003.806.188		69.645.091.229											

Hàng tồn kho năm 2013 so với năm 2012 tăng 18.606.761.316 đồng với tỷ lệ chênh lệch là 38,7% tương ứng tăng 3,6%. Năm 2012 lượng hàng tồn kho tăng do hệ thống cung cấp chưa tốt, lượng hàng tồn kho dự trữ chưa thật sự hợp lý chưa đáp ứng được nhu cầu kinh doanh liên tục, gia tăng chi phí tồn kho gây ứ đọng vốn.

Về tài sản ngắn hạn khác năm 2011 so với năm 2011 tăng 34.835.000.267 đồng với tỷ lệ chênh lệch là 10.554,7% tương ứng giảm 10.317,7% ,so với năm

2012 với tỷ lệ chênh lệch là 19,5 tương ứng giảm -0,2 %. Trong thực tế, vốn bằng tiền là loại tài sản dễ thanh khoản nhất, linh hoạt nhất, dễ dàng có thể thoả mãn nhu cầu sản xuất kinh doanh nên việc tăng lên của vốn bằng tiền thể hiện tính chủ động trong kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh toán cho công ty. Tuy nhiên nếu vốn bằng tiền tăng quá cao hoặc chiếm tỷ trọng quá lớn không hẳn là tốt vì nếu doanh thu không đổi ra lượng tiền dự trữ quá lớn sẽ gây tình trạng vòng quay tiền chậm, hiệu quả sử dụng vốn không cao.

Về tài sản cố định năm 2013 so với năm 2012 giảm 6.621.061.251 đồng với tỷ lệ chênh lệch là -36,8 tương ứng giảm -8,6%

Về cơ cấu nguồn vốn

BẢNG 2: BẢNG ĐÁNH GIÁ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

(Nguồn : Bảng cân đối kế toán , đvt : số tiền : triệu đồng, TL: +/- , TT :%)

	Cuối năm 2013 so với cuối năm...	2012	TT	7,7	-15,5	23,16	-7,7	-7,7		
			TL	42,1	-25,4	2453,87	4,2	4,2		
			Số tiền	10.225.254.230	-6.026.157.740	16.251.405.950	1.416.030.830	1.416.030.830		

Cuối năm									
2011		2012		2013		2011			
Số tiền	TT	Số tiền	TT	Số tiền	TT	Số tiền	TL	TT	
26.563.053	42,8	24.308.202.557	41,9	34.533.456.787	49,6	34.328.893.730	129,9	6,8	
25.410.607	40,9	23.645.925.274	40,8	17.619.773.534	25,3	17.594.362.920	692,4	-15,6	
1.152.446	1,86	662.277.303	1,14	16.913.683.253	24,3	1.691.253.080	146,5	23,16	
35.504.202	57,2	33.695.603.611	58,1	35.111.634.442	50,4	35.076.130.240	987,9	-6,8	
35.504.202	57,2	33.695.603.611	58,1	35.111.634.442	50,4	35.076.130.240	987,9	-6,8	
5.504.202	8,87	0	0	0					
62.067.255		58.003.806.188		69.654.091.229					

Chỉ tiêu	A.Nợ phải trả	1.Nợ ngắn hạn	2.Nợ dài hạn	B.Vốn chủ sở hữu	1.Vốn chủ sở hữu	2.Nguồn kinh phí và quỹ khác	Tổng số nguồn vốn
----------	---------------	---------------	--------------	------------------	------------------	------------------------------	-------------------

Về cơ cấu nguồn vốn :

Nợ dài hạn 2013 so với năm 2011 tăng 16.913.683.253 đồng với tỷ lệ chênh lệch là 1467,5, so với năm 2012 với tỷ lệ chênh lệch là 2453,9 .

Vốn chủ sở hữu 2013 so với năm 2011 tăng 35.111.634.442 đồng với tỷ lệ chênh lệch là 987,9 tương ứng tỷ trọng giảm -6,8 % ,so với năm 2012 với tỷ lệ chênh lệch là 4,2 tương ứng giảm -7,7%.

Phân tích mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn :

Phân tích cấu trúc tài chính của một Công ty nếu chỉ dừng ở việc phân tích cơ cấu tài sản và phân tích cơ cấu nguồn vốn sẽ không bao giờ thể hiện được chính sách sử dụng vốn của Công ty. Chính sách sử dụng vốn của mỗi Công ty không chỉ phản ánh nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh mà còn quan hệ trực tiếp đến an ninh tài chính, đến hiệu quả sử dụng vốn của Công ty là do vậy, tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh cũng như rủi ro kinh doanh của Công ty. Vì vậy, cần thiết phải phân tích mối quan hệ giữa tài sản và nguồn hình thành tài sản để thấy được chính sách sử dụng vốn của công ty. Để phân tích mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn thương so sánh các chỉ tiêu sau.

**BẢNG 3: BẢNG PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ GIỮA TÀI SẢN
VÀ NGUỒN VỐN**

(Nguồn :Bảng cân đối kế toán, đvt : TL:+/-, TT: %)

Chi tiêu	Cuối năm			Cuối năm 2013 so với cuối năm...			
				2011		2012	
	2011	2012	2013	+/-	%	+/-	%
1.Hệ số nợ so với tài sản	0,43	0,42	0,49	0,06	13,9	0,07	16,6
2.Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	2,34	2,4	2,0	-0,34	-14,5	-0,4	-16,6
3.Hệ số tài sản so với vốn chủ sở hữu	1,75	1,72	1,98	0,23	13,1	0,26	15,1

Hệ số nợ so với tài sản năm 2013 so với năm 2011 chênh lệch với tỷ lệ 0,06 tương ứng tăng 13,9% ,so với năm 2012 chênh lệch với tỷ lệ 0,07 tương ứng tăng 16,6 %. Năm 2011, 2012, 2013 hệ số này đều <1 chứng tỏ số nợ phải trả được công ty sử dụng để tài trợ tài sản càng giảm. Công ty có nhiều cơ hội và khả năng để tiếp nhận các khoản vay do các nhà đầu tư tín dụng .

Hệ số khả năng thanh toán tổng quát năm 2013 so với năm 2011 chênh lệch với tỷ lệ -0,34 tương ứng giảm -14,5 %, so với năm 2012 chênh lệch với tỷ lệ -0,4 tương ứng tăng -16,6 %. Qua các năm như trên ta thấy hệ số này đều <1 , công ty không đảm bảo được khả năng thanh toán.

Hệ số nợ so với tài sản so với vốn chủ sở hữu năm 2013 so với năm 2011 chênh lệch với tỷ lệ 0,23 tương ứng tăng 13,1 % so với năm 2012 chênh lệch với tỷ lệ 0,26 tương ứng tăng 15,1 %. Qua các năm như trên ta thấy hệ số này đều >1, công ty sử dụng cả nợ phải trả và vốn chủ sở hữu để tài trợ tài sản.

2.3.1.2. Phân tích cân bằng tài chính

Nhằm đáp ứng nhu cầu về tài sản cho hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp cần phải tập hợp các biện pháp tài chính cho việc huy động vốn, hình thành nguồn tài trợ tài sản. Nguồn tài trợ tài sản của doanh nghiệp được hình thành trước hết từ nguồn vốn của bản thân chủ sở hữu, sau nữa nguồn vốn của doanh

nghiệp được hình thành từ nguồn vốn vay. Cuối cùng, nguồn vốn được hình thành do chiếm dụng trong quá trình thanh toán.

Phân tích tình hình tài chính bảo đảm vốn cho hoạt động kinh doanh chính là việc xem xét mối quan hệ cân đối giữa tài sản và nguồn hình thành tài sản của Công ty. Mối quan hệ này phản ánh cân bằng tài chính của Công ty. Vì thế, phân tích tình hình tài chính của Công ty đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh chính là phân tích cân bằng tài chính của công ty.

2.3.1.2. Phân tích đánh giá khái quát tình hình huy động vốn

Để đánh giá tình hình huy động vốn của Công ty, sử dụng các phương pháp so sánh: so sánh sự biến động của tổng số nguồn vốn và so sánh sự biến động của cơ cấu nguồn vốn theo thời gian cả về số tuyệt đối và số tương đối. Qua việc so sánh sự biến động của tổng số nguồn vốn theo thời gian, các nhà phân tích sẽ đánh giá được tính hợp lý trong cơ cấu huy động, chính sách huy động và tổ chức nguồn vốn cũng như xu hướng biến động của cơ cấu nguồn vốn huy động.

Để phân tích xu hướng tăng trưởng của vốn, sử dụng phương pháp so sánh bằng số tương đối định gốc tiến hành so sánh tốc độ tăng trưởng theo thời gian của tổng số vốn với một kỳ

Tổng số vốn chủ sở hữu năm 2013 so với năm 2011 tăng 35.111.634.442 đồng với tỷ lệ chênh lệch là 987,9 tương ứng tỷ trọng giảm -2,8 %,so với năm 2012 với tỷ lệ chênh lệch 4,2 tương ứng giảm -3,7 %.Vốn CSH tăng sẽ tăng cường được mức độ tự chủ, độc lập về mặt tài chính của doanh nghiệp.

Tổng số nợ phải trả năm 2013 so với năm 2011 tăng 35.276.804.350 đồng với tỷ lệ chênh lệch là 2,8 tương ứng tỷ trọng tăng 141,9 % , so với năm 2012 với tỷ lệ chênh lệch là 42,1 tương ứng tăng 3,7 %. Tổng số nợ phải trả tăng đồng nghĩa

Tổng số nguồn vốn 2013 so với năm 2011 tăng 69.645.091.229 đồng với tỷ lệ chênh lệch là 112,1,so với năm 2012 tăng với tỷ lệ chênh lệch là 20,1

BẢNG 4: BẢNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐỘC LẬP TÀI CHÍNH

(Nguồn :Bảng cân đối kế toán, đvt : Số tiền : triệu đồng, TL:+/-, TT: %)

		Cuối năm						Cuối năm 2013 so với cuối năm					
		2011		2012		2013		2011			2012		
		Số tiền	TT	Số tiền	TT	Số tiền	TT	Số tiền	TT	TL	TT	Số tiền	TL
35.504.202	57,2	33.695.603,611	58,1	35.111.634.442	54,4	35.076.130.240	987,9	1.416.030.830	4,2	-2,8	10.225.254.210	42,1	3,7
26.563.053	42,8	24.308.202577	41,9	34.533.456.787	45,6	34.506.893.730	141,9	11.641.285.040	20,1	0	11.641.285.040	20,1	0
62.067.255	100	58.003.806.188	100	69.645.091.229	100	69.583.023.970	112,1	0	0	0	0	0	0

Chỉ tiêu	1. Tổng số vốn chủ sở hữu	2. Tổng số nợ phải trả	3. Tổng nguồn vốn

2.3.1.3. Phân tích đánh giá mức độ độc lập tài chính

Mức độ độc lập, tự chủ về mặt tài chính của doanh nghiệp phản ánh của Công ty trong việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp cũng như quyền kiểm soát các chính sách đó. Mức độ độc lập tài chính của doanh nghiệp thường biểu hiện qua nhiều chỉ tiêu khác nhau và được xem xét trên nhiều khía cạnh khác nhau như: mức độ tài trợ tài sản bằng vốn chủ sở hữu, hệ số nợ so với tài sản, hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu ...

BẢNG 5: BẢNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐỘC LẬP TÀI CHÍNH

(Nguồn :Bảng cân đối kế toán, đvt : TL:+/-, TT: %)

Chỉ tiêu	Cuối năm			Cuối năm 2011 so với cuối năm...			
				2011		2012	
	2011	2012	2013	+/-	%	+/-	%
1.Hệ số tài trợ (lần)	0,73	0,42	0,5	-0,23	-31,5	0,08	19,04
2.Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn (lần)	1,22	1,17	1,01	-0,21	-17,2	-0,16	-1,5
3.Hệ số tự tài trợ tài sản cố định (lần)		3,22	5,30		-74,3	2,08	64,6

Hệ số tài trợ năm 2013 so với năm 2011 chênh lệch với tỷ lệ - 0,23 lần tương ứng giảm 29,8 %, so với năm 2010 chênh lệch với tỷ lệ-0,31 lần tương

ứng giảm 36,4%. Năm 2009, 2010, 2011 hệ số này <1 nên vốn CSH không đủ tài trợ tài sản dài hạn, công ty buộc phải sử dụng các nguồn vốn khác để tài trợ nên khi các khoản nợ đáo hạn, công ty sẽ gặp khó khăn khi thanh toán.

Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn năm 2011 so với năm 2009 chênh lệch với tỷ lệ - 0,86 lần tương ứng giảm 71,6%, so với năm 2010 chênh lệch với tỷ lệ - 0,18 lần tương ứng giảm 1,5 %. Qua các năm như trên hệ số này đều >1 nên số vốn CSH của công ty có đủ và thừa khả năng để trang trải tài sản dài hạn.

Hệ số tài trợ năm 2011 so với năm 2009 chênh lệch với tỷ lệ - 10,07 lần tương ứng giảm 74,3%, so với năm 2010 chênh lệch với tỷ lệ -0,17 lần tương ứng giảm 4,6%. Qua các năm như trên hệ số này đều >1 nên số vốn CSH của công ty có đủ và thừa khả năng để trang trải tài sản cố định.

2.3.1.4. Phân tích khả năng thanh toán

Tình hình hay tình trạng tài chính của doanh nghiệp thể hiện khá rõ nét qua khả năng thanh toán. Một Công ty nếu có tình trạng tài chính tốt, mạnh chứng tỏ hoạt động của Công ty hiệu quả, Công ty không những có đủ mà còn có thừa khả năng thanh toán. Ngược lại, nếu Công ty ở trong tình trạng tài chính xấu, chứng tỏ hoạt động kinh doanh kém hiệu quả, Công ty không đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản nợ uy tín của Công ty thấp. Thực tế cho thấy, nếu khả năng thanh toán của Công ty không đảm bảo, chắc chắn Công ty sẽ gặp rất nhiều khó khăn cho mọi hoạt động, thậm chí sẽ rơi vào tình trạng phá sản. Khả năng thanh toán thể hiện trên nhiều mặt khác nhau như: khả năng thanh toán chung, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán tức thời.

Phân tích khả năng thanh toán của công ty nhằm cung cấp thông tin cho mọi đối tượng biết được khả năng tài chính của công ty. Khả năng tài chính được xét ở góc độ hiện thời và trong thời gian tới. Mặt khác, phân tích khả năng thanh toán còn biết được tình hình sử dụng vốn của công ty đã hiệu quả chưa, công ty đã xây dựng chế độ thu chi phù hợp chưa. Đối với các nhà kinh doanh khi công ty sử dụng vốn không phù hợp làm cho hiệu quả sử dụng vốn thấp và khi không có đủ tiền để thanh toán thì dấu hiệu rủi ro lại xuất hiện. Để

có cơ sở đánh giá tình hình thanh toán của công ty trong thời gian tới cần đi sâu phân tích nhu cầu và khả năng thanh toán của công ty.

BẢNG 6: BẢNG ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THANH TOÁN*(Nguồn :Bảng cân đối kế toán, đvt : TL:+/-, TT: %)*

Chỉ tiêu	Cuối năm			Cuối năm 2011 so với cuối năm...			
				2011		2012	
	2011	2012	2013	+/-	%	+/-	%
1.Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (lần)	2,34	2,386	2,016	0,046	1,96	-0,37	-15,5
2.Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,29	1,232	1,977	-0.058	-4,49	0,745	60,4
3.Hệ số khả năng thanh toán nhanh(lần)		0,539	0,465			-0,074	-13,7
4.Hệ số khả năng thanh toán tức thời(lần)		0,077	0,095			0,018	23,3
5.Hệ số khả năng thanh toán nợ dài hạn (lần)		43,57	2,058			-41,512	-95,2

Hệ số khả năng thanh toán tổng quát năm 2013 so với năm 2011 chênh lệch với tỷ lệ 0,05 lần tương ứng giảm 1,96 % so với năm 2012 chênh lệch với tỷ lệ -0,73 lần tương ứng giảm -15,5 %. Qua các năm trên hệ số này >1, chứng tỏ với tổng số tài sản hiện có công ty có thể trang trải được các khoản nợ.

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn năm 2013 so với năm 2011 chênh lệch với tỷ lệ -0,058 tương ứng giảm -4,49 % so với năm 2012 chênh lệch với tỷ lệ 0,75 tương ứng giảm 60,4 %. Qua các năm trên hệ số này >1 ,chứng tỏ với tổng số tài sản hiện có công ty có thể trang trải được các khoản nợ ngắn hạn và tình hình tài chính là bình thường và khả quan.

Hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2013 so với năm 2012 chênh lệch với tỷ lệ -0,074 tương ứng giảm -13,7%. Qua các năm trên hệ số này <1, công ty đảm bảo được khả năng thanh toán nhanh.

Hệ số khả năng thanh toán tức thời năm 2013 so với năm 2012 chênh lệch với tỷ lệ 0,018 tương ứng tăng 23,3 %, hệ số qua các năm < 1 nên công ty đảm bảo khả năng thanh toán tức thời.

Hệ số khả năng thanh toán nợ dài hạn năm 2011 so với năm 2012 chênh lệch với tỷ lệ -41,512 tương ứng giảm -95,2%.

2.3.1.5. Phân tích đánh giá khả năng sinh lợi

Khả năng sinh lợi của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh mức lợi nhuận mà doanh nghiệp thu được trên một đơn vị chi phí hay yếu tố đầu vào hay trên một đơn vị đầu ra phản ánh kết quả sản xuất. Mức lợi nhuận mà doanh nghiệp thu được tính trên một đơn vị càng cao thì khả năng sinh lợi càng cao, dẫn đến hiệu quả kinh doanh càng cao và ngược lại, mức lợi nhuận thu được trên một đơn vị càng nhỏ, kéo theo hiệu quả kinh doanh thấp. Vì thế khả năng sinh lợi của doanh nghiệp biểu hiện cao nhất và tập trung nhất của hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

BẢNG 7: BẢNG ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SINH LỢI

(Nguồn :Bảng cân đối kế toán, đvt : TL:+/-, TT: %)

Chỉ tiêu	Cuối năm			Cuối năm 2013 so với cuối năm...			
				2011		2012	
	2011	2012	2013	+/-	%	+/-	%
1.Lợi nhuận cận biên (LNNT/DT)	1,99	0,6	2,33	0,34	17,08	1,73	288,3
2.ROE- Thu nhập trên vốn (LNST/VCSH)	7,09	3,68	4,51	-2,58	-36,4	0,83	22,6
3.ROA-Thu nhập trên tổng tài sản (LNST/TTS)	4,05	2,14	2,27	-1,78	-43,9	0,13	6,07

Lợi nhuận cận biên năm 2013 so với năm 2011 chênh lệch với tỷ lệ 0,34 tương ứng tỷ trọng tăng 17,08 %,so với năm 2012 chỉ tiêu này chênh lệch với tỷ lệ là 1,73 tương ứng tăng 288,3 %.

Thu nhập trên vốn nhìn chung là giảm, so với năm 2011 chênh lệch với tỷ lệ -2,58 tương ứng tỷ trọng giảm -36,4 %,so với năm 2012 chênh lệch 0,83 tương ứng giảm 22,6.

Thu nhập trên tổng tài sản năm 2013 so với năm 2011 chênh lệch với tỷ lệ -1,78 tương ứng tỷ trọng giảm -43,9 %,so với năm 2012 chỉ tiêu này chênh lệch với tỷ lệ là 0,13 tương ứng tăng 6,07 %.

2.3.2. Nhận xét và đánh giá tình hình thực tế của công ty

Trong cơ chế thị trường từ một đơn vị nhỏ đến nay đã mở rộng thị phần, lợi nhuận tăng đáng kể giúp hoạt động tài chính giảm bớt những khó khăn.

Là một công ty mới thành lập công ty đã từng bước trưởng thành khẳng định được vị thế của mình trên thị trường tỉnh nhà và các tỉnh khác. Điều này giúp tạo uy tín cho công ty và giúp cho công ty chủ động sản xuất kinh doanh.

Ba năm lại đây quy mô về công ty tăng, cơ cấu tài sản thay đổi theo hướng ngày càng hiện đại, doanh thu tăng nhanh và có lãi. Để đạt được như thế một phần nhờ vào đầu tư cơ sở hạ tầng đang được chú trọng và công ty đã đề ra nhiều giải pháp cải thiện tình hình, xây dựng bộ máy gọn nhẹ hiệu quả. Công tác tài chính được quan tâm đặc biệt đề ra những cách thức về quản lí và sử dụng vốn, tổ chức thu hồi các khoản nợ, quản lí chặt chẽ hàng tồn kho.

Ưu điểm :

Nhận thức vai trò và tầm quan trọng việc phân tích tình hình tài chính đối với sự phát triển của công ty trong những năm qua, công ty đã sử dụng khá tốt việc phân tích tình hình tài chính chủ yếu trên kết quả tạo nguồn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông qua phân tích công ty đã xác định được những nguyên nhân và các yếu tố chủ quan cũng như khách quan ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục từ đó thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong những năm tiếp theo.

Nhược điểm:

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được công ty còn nhiều khó khăn phải giải quyết. Lượng tiền gửi tăng lên nhiều nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu

thanh toán của công ty. Chưa lên kế hoạch đúng về lượng nguyên vật liệu nhập kho, kế hoạch kinh doanh dẫn tới lượng tồn kho nhiều gây ứ đọng vốn của công ty.

CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY

3.1. Định hướng phát triển công ty trong những năm tới

Mở rộng quy mô và địa bàn hoạt động để đáp ứng nhu cầu của khách hàng

Tiếp tục khai thác khác tiềm năng, năng động hơn nữa trong tìm kiếm thị trường

Phân đầu hoàn thành cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng uy tín và tăng cường khả năng cạnh tranh.

Nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn cho cán bộ công nhân, từng bước phát triển đời sống cho họ.

Trong quá trình phát triển, nền tảng doanh nghiệp bao gồm các giá trị được đúc kết **“Chất lượng – hiệu quả – uy tín – chuyên nghiệp”**

Khách hàng luôn là mục tiêu và động lực

Sáng tạo, chất lượng, thích ứng nhanh là sức mạnh cạnh tranh

Đảm bảo các lợi ích (người làm việc, khách hàng, cộng đồng, môi trường...).

Tôn trọng & Hợp tác.

Kinh doanh linh hoạt, luôn sáng tạo, tiến bộ cùng với khách hàng

Mục tiêu phát triển bền vững đạt tăng 20% hàng năm.. Ổn định thị trường hiện tại, thâm nhập phát triển thị trường mục tiêu, tiềm năng đến các đối tượng khách hàng có thu nhập trung bình và thu nhập thấp tại các thành phố nhằm đáp ứng được nhu cầu cao trong lĩnh vực bất động sản của khách hàng có mức thu nhập trung bình.

3.2. Giải pháp nhằm nâng cao tài chính tại Công ty

Những phân tích ở phần trên cũng chỉ dừng lại ở những đánh giá chung nhất và những nét cơ bản nhất về tình hình tài chính của đơn vị mà thôi. Do vậy những kiến nghị mang tính đề xuất dưới đây cũng chỉ có ý nghĩa trong một giới hạn nhất định nào đó. Qua phân tích tình hình tài chính và định hướng của công

ty CP Thanh Hoa Sông Đà, em có một số kiến nghị sau để có thể nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, ổn định tình hình tài chính:

Thứ nhất, để có thể phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong tương lai đòi hỏi đơn vị phải đầu tư. Nhưng trong điều kiện nguồn vốn chủ sở hữu còn hạn chế, đơn vị có thể cải thiện tình hình bằng cách sử dụng TSCĐ thuê tài chính hoặc thuê dài hạn.

Thứ hai, công ty hiện nay chưa tiến hành lập các khoản dự phòng, đặc biệt là dự phòng phải thu khó đòi: vì trong thực tế, nếu tính cả khoản phải thu của công ty phụ thuộc thì khoản phải thu này là lớn. Vì vậy trước tiên công ty phải tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Và lại dự phòng chỉ làm tăng thêm tính thận trọng trong sản xuất kinh doanh, giúp đơn vị tránh được những rủi ro đáng tiếc.

Như vậy, về phương diện kinh tế, nhờ có các khoản dự phòng đã làm cho bảng cân đối kế toán của đơn vị phản ánh chính xác hơn giá trị thực tế của tài sản. Về phương diện tài chính, các khoản dự phòng là nguồn tài chính của đơn vị, tạm thời nằm trong các tài sản lưu động trước khi sử dụng thực thụ. Còn về phương diện thuế khoá, dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí giảm lợi tức phát sinh để tính ra số lợi tức thực tế.

Thứ ba, phải tăng cường huy động nguồn vốn kinh doanh. Do nguồn vốn kinh doanh thấp cho nên tỷ suất từ tài trợ của công ty cũng rất thấp gây khó khăn rất nhiều cho hoạt động kinh doanh.

Nguồn vốn kinh doanh trong đó vốn chủ sở hữu có vai trò hết sức quan trọng, nó là nguồn hình thành chính tạo ra những tài sản cố định cũng như tài sản của đơn vị. Việc tăng cường hơn nữa của nguồn vốn kinh doanh thể hiện tiềm lực của công ty. Tuy nhiên, nếu chỉ nhiều về số lượng mà thiếu đi tính hiệu quả trong sử dụng vốn kết quả nói riêng, vốn chủ sở hữu nói chung trên phạm vi công ty thì tình hình tài chính là chưa tốt. Do đó việc nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn đang là một mục tiêu quan trọng đặt ra cho đơn vị.

Phương hướng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn .

Ta đã biết, muốn sản xuất kinh doanh phải có vốn là số lượng vốn nhiều hay ít phụ thuộc vào doanh thu lớn hay nhỏ, nhưng với một mức doanh thu cụ thể nào đó đòi hỏi phải có sự cân bằng nhất định với một nhu cầu vốn. Do vậy, khi doanh thu biến thiên đòi hỏi phải có sự biến thiên của vốn. Tuy nhiên, hai sự biến thiên này không nhất thiết là theo một tỷ lệ bởi nó còn phụ thuộc vào hiệu quả sử dụng vốn.

Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, một số giải pháp được nêu ra như sau:

Nâng cao tổng doanh thu thuần: việc nâng cao không ngừng doanh thu của Công ty và tập thể cán bộ nhân viên trong công ty. Trên thực tế doanh thu của đơn vị đã có sự tăng lên trong những năm qua. Tuy nhiên, để tăng doanh thu thì đòi hỏi công ty phải phát triển hoạt động kinh doanh. Muốn phát triển hoạt động kinh doanh đòi hỏi công ty phải có sự đầu tư về chiều sâu hơn nữa, đó là đầu tư về tài sản lưu động và đầu tư về tiền. Vì vậy bằng sự cố gắng nỗ lực của mình công ty đã tăng cường huy động vốn từ bên ngoài để hoạt động.

Tuy nhiên mục tiêu của công ty là lợi nhuận thuần chứ không phải là doanh thu nói chung. Thực tế doanh thu của công ty cũng tương đối cao nhưng lợi nhuận vẫn chỉ dừng lại ở con số khiêm tốn. Công ty cần phải có những biện pháp thích hợp để thu hồi vốn từ các khoản khách hàng tự nhằm bổ sung vốn tự có, giảm bớt các khoản vay nợ. Chiếm dụng bên ngoài, giảm lãi vay để phát triển nguồn vốn, cân bằng cán cân thanh toán. Bên cạnh đó công ty cần cố gắng giảm các khoản chi phí khác như: chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí khoản cho vay.

Thứ tư: về công tác phân tích tình hình tài chính

Công ty đã có những phân tích tài chính cụ thể để quản lý công ty tốt hơn. Tuy nhiên việc phân tích của công ty chưa được thực hiện đầy đủ và chi tiết ở một số mặt hoạt động như tình hình và khả năng thanh toán, tình hình huy động và hiệu quả sử dụng vốn, tình hình thực hiện kế hoạch giảm chi phí... Do đó đã hạn chế phần nào việc cung cấp thông tin đã phân tích đến người quan tâm. Khi phân tích công ty thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu trên thì sẽ đưa ra được những nhận xét và đánh giá đầy đủ hơn về tình hình tài chính qua đó có những giải

pháp cụ thể và chi tiết hơn cho từng mặt hoạt động của mình. Ngoài ra công ty thực hiện chương trình phân tích nhanh các chỉ tiêu tài chính trên máy tính để cung cấp thông tin thường trực cho giám đốc nhằm đáp ứng các yêu cầu về quản lý doanh nghiệp.

C. KẾT LUẬN

Cũng như ở bất kì một doanh nghiệp nào, tình hình tài chính của công ty CP Thanh Hoa Sông Đà là vấn đề đáng quan tâm của chủ doanh nghiệp cũng như nhiều đối tượng liên quan khác, tình hình tài chính như: quy mô tài sản, nguồn vốn, hiệu quả quá trình kinh doanh và khả năng sinh lợi cũng như tình hình sinh lợi và khả năng thanh toán của công ty cổ phần đầu tư và xây dựng kinh doanh bất động sản. Tuy có nhiều mặt tích cực đáng khích lệ, song bên cạnh đó còn những điểm tồn đọng đòi hỏi cần thiết được khắc phục để từng bước khẳng định từng bước của mình trên thương trường.

Trong thời gian thực tập vừa qua với sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy giáo Th.s Phạm Văn Thắng và tập thể nhân viên phòng tài chính của công ty đã giúp đỡ em hoàn thiện bài làm. Đó là việc phân tích tài chính cơ sở số liệu cử báo cáo tài chính để đánh giá tình hình tài chính của công ty, tuy nhiên với những hiểu biết còn hạn chế của bản thân do đó bài làm không tránh khỏi những thiếu sót em rất mong nhận được sự đóng góp của thầy cô và nhân viên phòng tài chính để bài làm của em được hoàn thiện hơn. Cuối cùng e xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình tài chính doanh nghiệp – Chủ biên: TS Nguyễn Trung Thực – NXB Tài chính -2008.
2. Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính – Chủ biên: PGS.TS Nguyễn Năng Phúc- NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân-2012.
3. Tìm hiểu trên internet.